TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** --- Bản án số: 368/2023/HNGĐ-ST Ngày: 31/7/2023 *V/v: Ly hôn*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**
Hội thẩm nhân dân: 1/ **Bà Hoàng Thị An.**
2/ **Bà Nguyễn Thị Mai.**
Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Hoàng Thu Thảo.**
Thư ký Toà án nhân dân Huyện Đông A - Thành phố Hà Nội.
***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông A tham gia phiên toà*:**
Ông Nguyễn Doãn Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 31/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Đông A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 114/2023/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc "L*y hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2023, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn****:* **Ông Nguyễn Trường G**, sinh năm 1979.
Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn LC, xã XC, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội.
Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Bà Nguyễn Thu T**, sinh năm 1984.
Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn LC, xã XC, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn – Ông Nguyễn Trường G trình bày:**

- Về tình cảm: Ông và bà Nguyễn Thu T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2005 tại Ủy ban nhân dân xã XC, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội. Sau

khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn LC, xã XC, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội.

Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách và lối sống, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm chí xảy ra đánh nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng cuộc sống chung vợ chồng không còn hòa thuận được nữa. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 9/2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, ông đề nghị Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là Nguyễn Trường A sinh ngày 16/9/2006. Hiện nay cháu có sức khoẻ tốt và đang sống cùng mẹ.

Sau khi ly hôn ông có nguyện vọng để bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con ông bà tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông G không có ý kiến nào khác.

*** Bị đơn – Bà Nguyễn Thu T:**

Theo cung cấp của chính quyền địa phương thì bà Nguyễn Thu T vẫn thường xuyên sinh sống tại thôn LC, xã Xuân canh, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà T đến Tòa án để làm việc nhưng bà T không đến. Tòa án đã nhiều lần đến nhà để trực tiếp lấy lời khai của bà T, tuy nhiên bà T đều vắng mặt tại nhà, nên không thể lấy được lời khai của bà T.

<u>Tại phiên tòa</u>:

+ ***Ông Nguyễn Trường G trình bày***: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng và kéo dài, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Ông xin được ly hôn với bầ Nguyễn Thu T.

Về con chung: Ông và bà T có 01 con chung là Nguyễn Trường A sinh ngày 16/9/2006. Hiện nay cháu có sức khoẻ tốt và đang ở với mẹ. Khi ly hôn ông có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ ***Bà Nguyễn Thu T*** đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bà T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

+ ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông A phát biểu ý kiến***:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật giải quyết, về xác định tư cách pháp lý đối với các đương sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử, về việc tống đạt các văn bản tố tụng, về việc tiến hành thu thập chứng cứ đều đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Đối với nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay đều đã chấp hành tốt pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Trường G đối với bà Nguyễn Thu T.

Về con chung: Ông G và bà T có 01 con chung là Nguyễn Trường A sinh ngày 16/9/2006.

Giao 01 con chung cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng. Ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Ông G phải chịu án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Trường G và bà Nguyễn Thu T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LC, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16/2005 ngày 01/3/2005. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà xảy ra mâu thuẫn, ông G có đơn xin ly hôn với bà T. Bà T có địa chỉ nơi cư trú tại thôn LC, xã XC, huyện

Đông A, Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đông A, quan hệ pháp luật là "Ly hôn".

[1.2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bà Nguyễn Thu T, nhưng bà T vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn đúng và phù hợp khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Hai ông bà sau khi kết hôn sống không hạnh phúc và thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không phù hợp với nhau về tính cách, quan điểm và lối sống, nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông G xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, ông G xin được ly hôn với bà T.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương thì ông G và bà T đăng ký kết hôn ngày 01/3/2005 tại Ủy ban nhân dân xã XC, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi. Sau khi kết hôn hai vợ chồng ông bà chung sống với nhau tại thôn LC, xã XC, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội cùng với bố mẹ chồng. Gia đình ông G bà T chung sống có phát sinh mâu thuẫn từ khoảng đầu năm 2022, nguyên nhân cụ thể địa phương cũng không nắm rõ, có một lần ông bà xích mích dẫn đến đánh cãi chửi nhau vào khoảng giữa tháng 4, có mời Công an xã và Lãnh đạo địa phương đến giải quyết và giảng hòa. Hiện nay ông G và bà T vẫn đang chung sống cùng nhau tại nhà ở thôn LC, xã XC, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội. Nay ông G xin ly hôn với bà T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Theo cung cấp của ông Nguyễn Thanh H và bà Nguyễn Thị H là bố mẹ đẻ ông Nguyễn Trường G thì năm 2005 ông bà có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng ông Nguyễn Trường G và bà Nguyễn Thu T. Sau khi kết hôn ông bà cho hai vợ chồng ra ở riêng tại thửa đất cạnh nhà ông bà. Thời gian đầu ông G bà T sống hạnh phúc, hòa thuận, cho đến năm 2022 thì ông bà thấy hai vợ chồng ông G bà T thường xuyên cãi vã, các cuộc cãi vã diễn ra ngày càng nhiều dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, khó hòa giải. Vợ chồng ông bà đã nhiều lần can thiệp, hòa giải nhưng mâu thuẫn của hai vợ chồng vẫn không chấm dứt được, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Từ tháng 9/2022 ông bà thấy ông G dọn lên ở riêng tại tầng 3 của ngôi nhà. Nay ông G làm đơn xin ly hôn bà T thì ông bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ông G được ly hôn bà T, để ông G và bà T sớm ổn định cuộc sống.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Trường G và bà Nguyễn Thu T là có thực, thời gian ông bà sống ly thân đã lâu, không ai còn quan tâm đến ai, cả hai ông bà đều không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện quan hệ vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc ông G xin ly hôn bà T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông G và bà T có 01 con chung là Nguyễn Trường A, sinh ngày 16/9/2006. Hiện nay cháu có sức khoẻ tốt và đang ở với bố mẹ. Khi ly hôn ông G có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần triệu tập bà T đến Toà án để cung cấp lời khai, đồng thời yêu cầu bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ, tuy nhiên bà T không hợp tác, cố tình không đến Toà án cũng như không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Do vậy bà T cũng không thể hiện quan điểm về việc nuôi con trong trường hợp vợ chồng ly hôn.

Xét yêu cầu của ông G muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp qui định của pháp luật. Nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Nguyễn Trường A cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2023 cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông G không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường G.
   Ông Nguyễn Trường G được ly hôn bà Nguyễn Thu T.

2. Về con chung**:** Xác nhận ông Nguyễn Trường G và bà Nguyễn Thu T có 01 con chung là Nguyễn Trường A, sinh ngày 16/9/2006.

Giao 01 con chung Nguyễn Trường A cho ông Nguyễn Trường G trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2023 đến khi con đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông G không yêu cầu giải quyết, nên Toà án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Trường G không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Trường G phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2021/0006629 ngày 03/04/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông A. Xác nhận ông G đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Ông Nguyễn Trường G có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thu T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Đông A;
- THA H. Đông A;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND X.XC, H.Đông A, TP.Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thu Huyền